BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Quản trị học - MH1104005

Mã lớp học phần: MH110400504 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100210	Phan Thị Mai	Anh	07/07/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT5	
2	2110100175	Nguyễn Huỳnh Khánh	Duy	05/07/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT5	
3	2110100149	Đỗ Thị Anh	Đào	03/04/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT5	
4	2110100169	Phan Ngọc	Hằng	20/07/2003		8,0	Tám, không	C23QT5	
5	2110100161	Võ Thị Cẩm	Huyền	24/05/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT5	
6	2110100171	Nguyễn Đăng	Khoa	27/05/2001		6,5	Sáu, năm	C23QT5	
7	2110100155	Đặng Thị Phương	Lam	30/09/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT5	
8	2110100160	Nguyễn Văn	Minh	16/05/2003		6,0	Sáu, không	C23QT5	
9	2110100166	Huỳnh Lê Hoài	Nam	19/09/2003		5,5	Năm, năm	C23QT5	
10	2110100176	Lê Thị Hoài	Nhiên	12/09/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT5	
11	2110100174	Đỗ Thị Quỳnh	Như	05/08/2003		7,0	Bảy, không	C23QT5	
12	2110100172	Nguyễn Thị Kiều	Nương	21/10/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT5	
13	2110100167	Dương Tiến	Quí	08/02/2003		6,0	Sáu, không	C23QT5	
14	2110100145	Võ Quốc	Quy	03/05/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT5	
15	2110100143	Nguyễn Thị Yến	Tâm	03/02/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT5	
16	2110100147	Lê Minh	Thành	02/04/2003		6,0	Sáu, không	C23QT5	
17	2110100141	Lê Nguyễn Anh	Thi	16/08/2002		6,5	Sáu, năm	C23QT5	
18	2110100173	Trần Quốc	Thoãn	10/10/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT5	
19	2110100150	Nguyễn Thị Minh	Thư	31/03/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT5	
20	2110100144	Bùi Thị Thủy	Tiên	30/05/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT5	
21	2110100156	Trần Thị Thủy	Tiên	01/11/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT5	
22	2110100170	Đỗ Phương	Tiến	16/01/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT5	
23	2110100153	Nguyễn Thùy	Trang	16/01/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT5	
24	2110100211	Trương Thị Kim	Tuyền	19/09/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT5	
25	2110100157	Nguyễn Xuân	Tùng	01/08/2003		5,5	Năm, năm	C23QT5	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 25 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 25 / 25 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 25 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 , ____ **%**

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày. 7 .tháng. 3 .năm. 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Dũng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Quản trị học - MH1104005

Mã lớp học phần: MH110400504 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100210	Phan Thị Mai	Anh	07/07/2003		7,4	Bảy, tư	C23QT5	
2	2110100175	Nguyễn Huỳnh Khánh	Duy	05/07/2003		5,5	Năm, năm	C23QT5	
3	2110100149	Đỗ Thị Anh	Đào	03/04/2003		7,3	Bảy, ba	C23QT5	
4	2110100169	Phan Ngọc	Hằng	20/07/2003		8,1	Tám, một	C23QT5	
5	2110100161	Võ Thị Cẩm	Huyền	24/05/2003		8,8	Tám, tám	C23QT5	
6	2110100171	Nguyễn Đăng	Khoa	27/05/2001		8,6	Tám, sáu	C23QT5	
7	2110100155	Đặng Thị Phương	Lam	30/09/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT5	
8	2110100160	Nguyễn Văn	Minh	16/05/2003		6,3	Sáu, ba	C23QT5	
9	2110100166	Huỳnh Lê Hoài	Nam	19/09/2003		5,8	Năm, tám	C23QT5	
10	2110100176	Lê Thị Hoài	Nhiên	12/09/2003		7,2	Bảy, hai	C23QT5	
11	2110100174	Đỗ Thị Quỳnh	Như	05/08/2003		8,5	Tám, năm	C23QT5	
12	2110100172	Nguyễn Thị Kiều	Nương	21/10/2003		8,0	Tám, không	C23QT5	
13	2110100167	Dương Tiến	Quí	08/02/2003		7,4	Bảy, tư	C23QT5	
14	2110100145	Võ Quốc	Quy	03/05/2003		6,0	Sáu, không	C23QT5	
15	2110100143	Nguyễn Thị Yến	Tâm	03/02/2003		7,6	Bảy, sáu	C23QT5	
16	2110100147	Lê Minh	Thành	02/04/2003		5,3	Năm, ba	C23QT5	
17	2110100141	Lê Nguyễn Anh	Thi	16/08/2002		7,8	Bảy, tám	C23QT5	
18	2110100173	Trần Quốc	Thoãn	10/10/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT5	
19	2110100150	Nguyễn Thị Minh	Thư	31/03/2003		8,4	Tám, tư	C23QT5	
20	2110100144	Bùi Thị Thủy	Tiên	30/05/2003		7,1	Bảy, một	C23QT5	
21	2110100156	Trần Thị Thủy	Tiên	01/11/2003		8,8	Tám, tám	C23QT5	
22	2110100170	Đỗ Phương	Tiến	16/01/2003		7,4	Bảy, tư	C23QT5	
23	2110100153	Nguyễn Thùy	Trang	16/01/2003		7,8	Bảy, tám	C23QT5	
24	2110100211	Trương Thị Kim	Tuyền	19/09/2003		8,2	Tám, hai	C23QT5	
25	2110100157	Nguyễn Xuân	Tùng	01/08/2003		6,0	Sáu, không	C23QT5	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 25 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 25 / 25 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 25 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100, ___ **%**

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 9 tháng.....năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Dũng

Ngày in: 16:22 17/03/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Quản trị học - MH1104005

Mã lớp học phần: MH110400504 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100208	Nguyễn Thị Tân	**Anh**	10/03/2003		6,0	Sáu, không	C23QT6	
2	2110100198	Phạm Gia	**Bảo**	15/07/2003		5,5	Năm, năm	C23QT6	
3	2110100194	Phạm Thị Thùy	**Dung**	23/09/2001		5,5	Năm, năm	C23QT6	
4	2110100188	Nguyễn Thị Kim	**Duyên**	07/06/2002	Duyên	6,0	Sáu, không	C23QT6	
5	2110100192	Hồng Gia	**Đức**	06/11/2003		8,0	Tám, không	C23QT6	
6	2110100204	Phạm Nguyễn Tuyền	**Giang**	01/06/2003		6,0	Sáu, không	C23QT6	
7	2110100199	Nguyễn Thị Ngọc	**Giàu**	07/11/2003		9,0	Chín, không	C23QT6	
8	2110100187	Nguyễn Ngọc Lan	**Hương**	04/04/2003		6,5	Sáu, Năm	C23QT6	
9	2110100193	Nguyễn Khánh	**Linh**	18/06/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT6	
10	2110100181	Nguyễn Thị Tuyết	**Nhi**	04/08/2003		7,0	Bảy, không	C23QT6	
11	2110100197	Nguyễn Vũ	**Nhựt**	25/06/2003		6,0	Sáu, không	C23QT6	
12	2110100185	Phạm Hoàng	**Phúc**	17/08/2003		6,4	Sáu, bốn	C23QT6	
13	2110100205	Trần Viết	**Sang**	05/11/2003		5,5	Năm, năm	C23QT6	
14	2110100207	Đặng Thị Phương	**Thanh**	12/10/2003		6,0	Sáu, không	C23QT6	
15	2110100183	Nguyễn Thanh	**Thảo**	14/01/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT6	
16	2110100196	Hà Lê Hoàng	**Thái**	23/09/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT6	
17	2110100186	Lê Thị Hồng	**Thắm**	18/10/2003		6,0	Sáu, không	C23QT6	
18	2110100178	Bơ Nah Ria Prong	**Tuệ**	02/04/2003		7,5	Bảy, năm	C23QT6	
19	2110100200	Phan Thạch Hồng	**Vân**	15/02/2003		7,5	Bảy, năm	C23QT6	
20	2110100214	Nguyễn Văn	**Vinh**	07/05/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT6	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 20 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 20 /20 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 20 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 , ___ **%**

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 2 tháng 4 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Dũng

Ngày in: 16:23 17/03/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Quản trị học - MH1104005 Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110400504 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010) Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____ Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100208	Nguyễn Thị Tân	**Anh**	10/03/2003		7,3	Bảy, ba	C23QT6	
2	2110100198	Phạm Gia	**Bảo**	15/07/2003		5,8	Năm, tám	C23QT6	
3	2110100194	Phạm Thị Thùy	**Dung**	23/09/2001		8,1	Tám, một	C23QT6	
4	2110100188	Nguyễn Thị Kim	**Duyên**	07/06/2002	Duyên	6,0	Sáu, không	C23QT6	
5	2110100192	Hồng Gia	**Đức**	06/11/2003		7,8	Bảy, tám	C23QT6	
6	2110100204	Phạm Nguyễn Tuyền	**Giang**	01/06/2003		7,5	Bảy, năm	C23QT6	
7	2110100199	Nguyễn Thị Ngọc	**Giàu**	07/11/2003		8,5	Tám, năm	C23QT6	
8	2110100187	Nguyễn Ngọc Lan	**Hương**	04/04/2003		6,0	Sáu, không	C23QT6	
9	2110100193	Nguyễn Khánh	**Linh**	18/06/2003		6,7	Sáu, bảy	C23QT6	
10	2110100181	Nguyễn Thị Tuyết	**Nhi**	04/08/2003		10	Mười	C23QT6	
11	2110100197	Nguyễn Vũ	**Nhựt**	25/06/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT6	
12	2110100185	Phạm Hoàng	**Phúc**	17/08/2003		4,3	Bốn, ba	C23QT6	
13	2110100205	Trần Viết	**Sang**	05/11/2003		6,0	Sáu, không	C23QT6	
14	2110100207	Đặng Thị Phương	**Thanh**	12/10/2003		8,0	Tám, không	C23QT6	
15	2110100183	Nguyễn Thanh	**Thảo**	14/01/2003		7,4	Bảy, tư	C23QT6	
16	2110100196	Hà Lê Hoàng	**Thái**	23/09/2003		7,1	Bảy, một	C23QT6	
17	2110100186	Lê Thị Hồng	**Thắm**	18/10/2003		6,8	Sáu, tám	C23QT6	
18	2110100178	Bơ Nah Ria Prong	**Tuệ**	02/04/2003		6,7	Sáu, bảy	C23QT6	
19	2110100200	Phan Thạch Hồng	**Vân**	15/02/2003		9,8	Chín, tám	C23QT6	
20	2110100214	Nguyễn Văn	**Vinh**	07/05/2003		6,7	Sáu, bảy	C23QT6	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 20 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 20 / 20 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 20 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100, %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày. 9 .tháng. 5 .năm. 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Dũng

Ngày in: 16:24 17/03/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Quản trị học - MH1104005

Mã lớp học phần: MH110400504 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100158	Huỳnh Thị Thu	**An**	29/10/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT5	
2	2010120001	Võ Thị Thu	**Hà**	10/12/1995		6,0	Sáu, không	C22QT5	
3	2110100213	Huỳnh Công	**Hậu**	08/11/2002		6,5	Sáu, năm	C23QT5	
4	2110100179	Phan Thanh	**Hoàng**	15/10/2002		5,5	Năm, năm	C23QT6	
5	2110100202	Trần Thị Trúc	**Huỳnh**	04/08/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT6	
6	2110040052	Cao Tấn	**Lộc**	15/05/2003		3,0	Ba, không	C23QT6	
7	2110100164	Nguyễn Minh	**Nhàn**	05/07/2003		6,0	Sáu, không	C23QT5	
8	2110100163	Kim Thị Kiều	**Tiên**	08/09/2003		6,0	Sáu, không	C23QT5	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 8 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 8 / 8 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 7 / 1 **Tỷ lệ đạt:** 87,50 **%**

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 2 tháng 7 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Dũng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Quản trị học - MH1104005
Mã lớp học phần: MH110400504 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)
Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____
Giám thị 2:_____ Ký tên:_____
Giám thị 3:_____ Ký tên:_____
Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100158	Huỳnh Thị Thu	**An**	29/10/2003		8,7	Tám, bảy	C23QT5	
2	2010120001	Võ Thị Thu	**Hà**	10/12/1995		6,8	Sáu, tám	C22QT5	
3	2110100213	Huỳnh Công	**Hậu**	08/11/2002		5,0	Năm, không	C23QT5	
4	2110100179	Phan Thanh	**Hoàng**	15/10/2002		5,5	Năm, năm	C23QT6	
5	2110100202	Trần Thị Trúc	**Huỳnh**	04/08/2003		7,5	Bảy, năm	C23QT6	
6	2110040052	Cao Tấn	**Lộc**	15/05/2003		6,2	Sáu, hai	C23QT6	
7	2110100164	Nguyễn Minh	**Nhàn**	05/07/2003		7,7	Bảy, bảy	C23QT5	
8	2110100163	Kim Thị Kiều	**Tiên**	08/09/2003		7,0	Bảy, không	C23QT5	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 8 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 8 / 8 .
Số sinh viên đạt/không đạt: 7 / 1 **Tỷ lệ đạt:** 87,5 **%**

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 9 tháng 5 năm 2022
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Dũng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2021-2022

Môn học: Quản trị học
Mã bài thi: NL0M1I
Thời gian thi: 05/04/2022 07:45:00
Thời gian kết thúc: 05/04/2022 08:45:00

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____
Giám thị 2: _____ Ký tên: _____
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100208	Nguyễn Thị Tân Anh	10/03/2003		7.8	Bảy, tám	C23QT6	
2	2110100210	Phan Thị Mai Anh	07/07/2003		6.8	Sáu, tám	C23QT6	
3	2110100198	Phạm Gia Bảo	15/07/2003		7.8	Bảy, tám	C23QT6	
4	2110100149	Đỗ Thị Anh Đào	03/04/2003		6.8	Sáu, tám	C23QT5	
5	2110100192	Hồng Gia Đức	06/11/2003		7.8	Bảy, tám	C23QT6	
6	2110100194	Phạm Thị Thùy Dung	23/09/2001		8.4	Tám, bốn	C23QT6	
7	2110100175	Nguyễn Huỳnh Khánh Duy	05/07/2003		6.6	Sáu, sáu	C23QT5	
8	2110100188	Nguyễn Thị Kim Duyên	07/06/2002		6.6	Sáu, sáu	C23QT6	
9	2110100204	Phạm Nguyễn Tuyền Giang	01/01/1900		6.6	Sáu, sáu	C23QT6	
10	2110100199	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	01/01/1900		7.4	Bảy, bốn	C23QT6	
11	2110100169	Phan Ngọc Hằng	20/07/2003		4.8	Bốn, tám	C23QT5	
12	2110100187	Nguyễn Ngọc Lan Hương	01/01/1900		7.4	Bảy, bốn	C23QT6	
13	2110100161	Võ Thị Cẩm Huyền	24/05/2003		7.4	Bảy, bốn	C23QT5	
14	2110100171	Nguyễn Đăng Khoa	27/05/2001		7.4	Bảy, bốn	C23QT5	
15	2110100155	Đặng Thị Phương Lam	30/09/2003		7.4	Bảy, bốn	C23QT5	
16	2110100193	Nguyễn Khánh Linh	18/06/2003		6.4	Sáu, bốn	C23QT6	
17	2110100160	Nguyễn Văn Minh	16/05/2003		8.4	Tám, bốn	C23QT5	
18	2110100166	Huỳnh Lê Hoài Nam	19/09/2003		7.6	Bảy, sáu	C23QT5	
19	2110100181	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	04/08/2003		7.6	Bảy, sáu	C23QT6	
20	2110100176	Lê Thị Hoài Nhiên	12/09/2003		8.2	Tám, hai	C23QT5	
21	2110100174	Đỗ Thị Quỳnh Như	05/08/2003		7.2	Bảy, hai	C23QT5	
22	2110100197	Nguyễn Vũ Nhựt	25/06/2003		3.6	Ba, sáu	C23QT6	
23	2110100172	Nguyễn Thị Kiều Nương	21/10/2003		8.4	Tám, bốn	C23QT5	
24	2110100167	Dương Tiến Quí	08/02/2003		7.8	Bảy, tám	C23QT5	
25	2110100145	Võ Quốc Quy	03/05/2003		6.8	Sáu, tám	C23QT5	
26	2110100205	Trần Viết Sang	05/11/2003		4.6	Bốn, sáu	C23QT6	
27	2110100143	Nguyễn Thị Yến Tâm	03/02/2003		6.4	Sáu, bốn	C23QT5	
28	2110100196	Hà Lê Hoàng Thái	23/09/2003		7.8	Bảy, tám	C23QT6	
29	2110100186	Lê Thị Hồng Thắm	18/10/2003		6.8	Sáu, tám	C23QT6	
30	2110100207	Đặng Thị Phương Thanh	12/10/2003		7.2	Bảy, hai	C23QT6	
31	2110100147	Lê Minh Thành	02/04/2003		5.4	Năm, bốn	C23QT5	
32	2110100183	Nguyễn Thanh Thảo	14/01/2003		6.8	Sáu, tám	C23QT6	
33	2110100141	Lê Nguyễn Anh Thi	16/08/2002		7.2	Bảy, hai	C23QT5	
34	2110100173	Trần Quốc Thoãn	10/10/2003		7	Bảy	C23QT5	
35	2110100150	Nguyễn Thị Minh Thư	31/03/2003		7.6	Bảy, sáu	C23QT5	
36	2110100156	Trần Thị Thủy Tiên	01/11/2003		6.6	Sáu, sáu	C23QT5	
37	2110100144	Bùi Thị Thủy Tiên	30/05/2003		7.8	Bảy, tám	C23QT5	
38	2110100170	Đỗ Phương Tiến	16/01/2003		9	Chín	C23QT5	
39	2110100153	Nguyễn Thùy Trang	16/01/2003		8	Tám	C23QT5	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 39

Số sinh viên đạt: 38

Ngày ___ tháng ___ năm 2022
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày ___ tháng ___ năm 2022
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trần Duy

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Quản trị học - MH1104005
Mã lớp học phần: MH110400504 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng
Ngày thi: 05/04/2022 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: PM 3**

Giám thị 1: Trg T.N.Thu Ký tên: Thu
Giám thị 2:_____ Ký tên:_____
Giám thị 3:_____ Ký tên:_____
Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100208	Nguyễn Thị Tân	**Anh**	10/03/2003					C23QT6	
2	2110100210	Phan Thị Mai	**Anh**	07/07/2003					C23QT5	
3	2110100198	Phạm Gia	**Bảo**	15/07/2003					C23QT6	
4	2110100194	Phạm Thị Thùy	**Dung**	23/09/2001					C23QT6	
5	2110100175	Nguyễn Huỳnh Khánh	**Duy**	05/07/2003					C23QT5	
6	2110100188	Nguyễn Thị Kim	**Duyên**	07/06/2002					C23QT6	
7	2110100149	Đỗ Thị Anh	**Đào**	03/04/2003					C23QT5	
8	2110100192	Hồng Gia	**Đức**	06/11/2003					C23QT6	
9	2110100204	Phạm Nguyễn Tuyền	**Giang**	01/06/2003					C23QT6	
10	2110100199	Nguyễn Thị Ngọc	**Giàu**	07/11/2003					C23QT6	
11	2110100169	Phan Ngọc	**Hằng**	20/07/2003					C23QT5	
12	2110100161	Võ Thị Cẩm	**Huyền**	24/05/2003					C23QT5	
13	2110100187	Nguyễn Ngọc Lan	**Hương**	04/04/2003					C23QT6	
14	2110100171	Nguyễn Đăng	**Khoa**	27/05/2001					C23QT5	
15	2110100155	Đặng Thị Phương	**Lam**	30/09/2003					C23QT5	
16	2110100193	Nguyễn Khánh	**Linh**	18/06/2003					C23QT6	
17	2110100160	Nguyễn Văn	**Minh**	16/05/2003					C23QT5	
18	2110100166	Huỳnh Lê Hoài	**Nam**	19/09/2003					C23QT5	
19	2110100181	Nguyễn Thị Tuyết	**Nhi**	04/08/2003					C23QT6	
20	2110100176	Lê Thị Hoài	**Nhiên**	12/09/2003					C23QT5	
21	2110100174	Đỗ Thị Quỳnh	**Như**	05/08/2003					C23QT5	
22	2110100197	Nguyễn Vũ	**Nhựt**	25/06/2003					C23QT6	
23	2110100172	Nguyễn Thị Kiều	**Nương**	21/10/2003					C23QT5	
24	2110100185	Phạm Hoàng	**Phúc**	17/08/2003					C23QT6	
25	2110100167	Dương Tiến	**Quí**	08/02/2003					C23QT5	
26	2110100145	Võ Quốc	**Quy**	03/05/2003					C23QT5	
27	2110100205	Trần Viết	**Sang**	05/11/2003					C23QT6	
28	2110100143	Nguyễn Thị Yến	**Tâm**	03/02/2003					C23QT5	
29	2110100207	Đặng Thị Phương	**Thanh**	12/10/2003					C23QT6	
30	2110100147	Lê Minh	**Thành**	02/04/2003					C23QT5	
31	2110100183	Nguyễn Thanh	**Thảo**	14/01/2003					C23QT6	
32	2110100196	Hà Lê Hoàng	**Thái**	23/09/2003					C23QT6	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2110100186	Lê Thị Hồng	**Thắm**	18/10/2003					C23QT6	
34	2110100141	Lê Nguyễn Anh	**Thi**	16/08/2002					C23QT5	
35	2110100173	Trần Quốc	**Thoãn**	10/10/2003					C23QT5	
36	2110100150	Nguyễn Thị Minh	**Thư**	31/03/2003					C23QT5	
37	2110100144	Bùi Thị Thủy	**Tiên**	30/05/2003					C23QT5	
38	2110100156	Trần Thị Thủy	**Tiên**	01/11/2003					C23QT5	
39	2110100170	Đỗ Phương	**Tiến**	16/01/2003					C23QT5	
40	2110100153	Nguyễn Thùy	**Trang**	16/01/2003					C23QT5	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 39 **vắng thi:** 1 **. Số bài thi/Số tờ:** 39 / _____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:**_____**%**

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG KHOA
ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thùy Dung

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2021-2022

Môn học: Quản trị học
Mã bài thi: 8Z6OZE
Thời gian thi: 05/04/2022 07:45:00
Thời gian kết thúc: 05/04/2022 08:45:00

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____
Giám thị 2: _____ Ký tên: _____
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100158	Huỳnh Thị Thu An	29/10/2003		3.4	Ba, bốn	C23QT5	
2	2110100213	Huỳnh Công Hậu	11/08/2002		3.6	Ba, sáu	C23QT7	
3	2110100202	Trần Thị Trúc Huỳnh	04/08/2003		4.8	Bốn, tám	C23QT6	
4	2110040052	Cao Tấn Lộc	15/05/2003		5.6	Năm, sáu	C23QT6	
5	2110100164	Nguyễn Minh Nhàn	05/07/2003		4.6	Bốn, sáu	C23QT5	
6	2110100163	Kim Thị Kiều Tiên	08/09/2003		4.6	Bốn, sáu	C23QT5	
7	2110100178	Bơ Nah Ria Prong Tuệ	04/02/2003		6.4	Sáu, bốn	C23QT6	
8	2110100157	Nguyễn Xuân Tùng	01/08/2003		2	Hai	C23QT5	
9	2110100211	Trương Thị Kim Tuyền	19/09/2003		6	Sáu	C23QT6	
10	2110100200	Phan Thạch Hồng Vân	01/01/1900		6.6	Sáu, sáu	C23QT6	
11	2110100214	Nguyễn Văn Vinh	07/05/2003		6	Sáu	C23QT6	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 11 **Số sinh viên đạt: 8**

Ngày ___ tháng ___ năm 2022
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày ___ tháng ___ năm 2022
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Quản trị học - MH1104005
Mã lớp học phần: MH110400504 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng
Ngày thi: 05/04/2022 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: PM 4**

Giám thị 1: Nguyễn Tiến Dũng Ký tên:
Giám thị 2: Phạm Văn Dũng Ký tên:
Giám thị 3:_____ Ký tên:_____
Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100158	Huỳnh Thị Thu	**An**	29/10/2003					C23QT5	
2	2010120001	Võ Thị Thu	**Hà**	10/12/1995					C22QT5	
3	2110100213	Huỳnh Công	**Hậu**	08/11/2002					C23QT5	
4	2110100179	Phan Thanh	**Hoàng**	15/10/2002					C23QT6	
5	2110100202	Trần Thị Trúc	**Huỳnh**	04/08/2003					C23QT6	
6	2110040052	Cao Tấn	**Lộc**	15/05/2003					C23QT6	
7	2110100164	Nguyễn Minh	**Nhàn**	05/07/2003					C23QT5	
8	2110100163	Kim Thị Kiều	**Tiên**	08/09/2003					C23QT5	
9	2110100178	Bơ Nah Ria Prong	**Tuệ**	02/04/2003					C23QT6	
10	2110100211	Trương Thị Kim	**Tuyền**	19/09/2003					C23QT5	
11	2110100157	Nguyễn Xuân	**Tùng**	01/08/2003					C23QT5	
12	2110100200	Phan Thạch Hồng	**Vân**	15/02/2003					C23QT6	
13	2110100214	Nguyễn Văn	**Vinh**	07/05/2003					C23QT6	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 13 **vắng thi:** 02 **. Số bài thi/Số tờ:**_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:**_____%

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Dũng